

Số:



Tuy Phước, ngày tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 và kế hoạch triển khai thực hiện trong năm 2017

Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 đạt được kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016

1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện đã tham mưu cho Huyện ủy Tuy Phước ban hành Chương trình Hành động “về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”, đồng thời tham mưu cho UBND huyện Kế hoạch thực hiện Chương trình Hành động của Huyện ủy về xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Công tác tuyên truyền vận động

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện phối hợp cùng với Hội LHPN huyện tổ chức Hội thi “Phụ nữ tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020, trong tháng 6/2016 đã tổ chức tại 02 xã Phước Lộc và Phước Sơn.

- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện về tuyên truyền một số nội dung xây dựng nông thôn mới trong năm 2016 trên đài phát thanh của huyện. Bên cạnh đó ban hành Công văn chỉ đạo các địa phương tuyên truyền một số nội dung trọng tâm trong năm 2016 như: Gợi ý hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường, gợi ý nội dung hướng dẫn thích ứng biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp...

- Phối hợp với Ban Thường trực Mặt trận TQVN huyện xây dựng Chương trình phối hợp về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

3. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

- UBND huyện đã Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ công tác (theo QĐ số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2016) và thành lập Văn phòng Điều phối giúp Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước giai đoạn 2016-2020 (theo QĐ 5480/QĐ-UBND ngày 17/11/2015, gồm 15 thành viên), đồng thời đã ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Điều phối.

- Cấp xã đã kiện toàn và củng cố BQL XDNTM cấp xã để triển khai thực hiện chương trình giai đoạn 2016 – 2020.

08/11/2016 về việc công nhận xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016.

7. Kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020)

- Sau khi đánh giá, rà soát 19 tiêu chí theo hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, kết quả đạt được như sau:

+ Xã Phước An: Đạt 18/19 tiêu chí, còn lại 1 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phước Thành: Đạt 18/19 tiêu chí, còn lại 1 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 15 – Y tế.

+ Xã Phước Nghĩa: Đạt 18/19 tiêu chí, còn lại 1 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 15 – Y tế.

+ Xã Phước Hưng: Đạt 18/19 tiêu chí, còn lại 1 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 15 – Y tế.

+ Xã Phước Lộc: Đạt 18/19 tiêu chí, còn lại 1 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 15 – Y tế.

+ Xã Phước Sơn: Đạt 17/19 tiêu chí, còn lại 2 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 15 – Y tế; Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phước Hòa: Đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí 16 – Văn hóa; Tiêu chí 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phước Hiệp: Đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 15 – Y tế; Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phước Thuận: Đạt 13/19 tiêu chí, còn lại 6 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 10 – Thu nhập; Tiêu chí 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phước Quang: Đạt 13/19 tiêu chí, còn lại 6 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 15 – Y tế; Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phước Thắng: Đạt 7/19 tiêu chí, còn lại 12 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông; Tiêu chí 10 – Thu nhập; Tiêu chí 13 – Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 15 – Y tế; Tiêu chí 16 – Văn hóa; Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

8. Kết quả thực hiện 9 tiêu chí huyện nông thôn mới (Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng chính phủ ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới)

8.1. Tiêu chí 1 – Quy hoạch

a) Yêu cầu tiêu chí

- Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện

- Trong năm 2016 UBND huyện Tuy Phước chưa có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố công khai; chưa có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

c) Đánh giá

- Chưa đạt.

8.2. Tiêu chí 2 – Giao thông

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã.

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch - Đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. Đến nay có 6,5/11,93 km đường huyện đã được nhựa hóa và bê tông đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005 đạt 54,48%.

c) Đánh giá

- Chưa đạt.

8.3. Tiêu chí 3 – Thủy lợi

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt tại Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Trên địa bàn huyện có 02 xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi 3 và xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi 4, để quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả, đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng và hợp lý.

c) Đánh giá

- Đạt.

8.4. Tiêu chí 4 – Điện

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công Thương.

c) Đánh giá

- Đạt.

8.5. Tiêu chí 5 – Y tế - Văn hóa – Giáo dục

8.5.1. Y tế

a) Yêu cầu tiêu chí

- Bệnh viện huyện đạt chuẩn tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia

b) Kết quả thực hiện

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3.

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

c) Đánh giá

- Đạt.

8.5.2. Văn hóa

a) Yêu cầu tiêu chí

Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa – thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

- Về hoạt động: có nhiều hoạt động văn hóa – thể thao kết nối với các xã và đảm bảo theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Về cơ sở vật chất: Theo kết quả rà soát mà Phòng Văn hóa – Thông tin đã báo cáo, thì đến nay Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cụ thể:

+ Văn phòng (quy định tối thiểu 250m²): hiện trạng 50m².

+ Hành chính – Tổng hợp (quy định tối thiểu 20m²): hiện trạng chưa có.

+ Văn hóa, văn nghệ (quy định tối thiểu 20m²): hiện trạng chưa có.

+ Đội Tuyên truyền lưu động (quy định tối thiểu 30m²): hiện trạng chưa có.

+ Du lịch, nếp sống, gia đình (quy định tối thiểu 20m²): hiện trạng chưa có.

+ Sân vận động: Đang xây dựng.

+ Bể bơi: Chưa có.

+ Phương tiện vận chuyển (quy định: Được trang bị xe ô tô chuyên dùng):
hiện trạng chưa có.

c) *Đánh giá*

- Chưa đạt.

8.5.3. *Giáo dục*

a) *Yêu cầu tiêu chí*

- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn – Đạt $\geq 60\%$.

b) *Kết quả thực hiện*

- Hiện nay trên địa bàn huyện có 5 Trường Trung học phổ thông là: Trường THPT Tuy Phước 1, Tuy Phước 2, Tuy Phước 3, Nguyễn Diêu, Xuân Diêu.

- Đến nay có 2/5 Trường THPT đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo là: Trường THPT Tuy Phước 1 và Trường THPT Nguyễn Diêu. Đạt 40%.

c) *Đánh giá*

- Chưa đạt.

8.6. *Tiêu chí 6 – Sản xuất*

a) *Yêu cầu tiêu chí*

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.

b) *Kết quả thực hiện*

- UBND huyện Tuy Phước đã ban hành Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về Ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Tuy Phước theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 – 2020. Với mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi nông nghiệp theo hướng hàng hóa, giá trị, chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường. Xây dựng và từng bước phát triển các vùng sản xuất tập trung, liên kết sản xuất gắn bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm có lợi thế như lúa, rau an toàn, hoa, bò lai, gà thịt, phát triển chăn nuôi gia trại đảm bảo an toàn và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Bên cạnh mặt đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện đã ban hành nhưng mới chỉ triển khai được một số nội dung trong Đề án, chưa hình thành được vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, mặt khác chưa có sự hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí của cấp trên nên rất khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

c) *Đánh giá*

- Chưa đạt.

8.7. Tiêu chí 7 – Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực – thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường - Đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn:
 - + 02 xã Phước Sơn và Phước Lộc đã xây dựng Đề án, thành lập Ban chỉ đạo và kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư trên địa bàn xã theo Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND huyện.

+ UBND huyện đã mua bổ sung 01 xe thu gom rác thải để mở rộng địa bàn thu gom rác thải theo lộ trình.

+ Tiếp tục duy trì và mở rộng địa bàn thu gom rác thải sinh hoạt; tính đến ngày 15/12/2016, tổng số cơ quan, tổ chức và hộ đăng ký tham gia thu gom rác thải là 9.475 hộ/39.073 hộ đạt 24,25%, tăng 238 hộ so với năm 2015, riêng các xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Quang, Phước An tỷ lệ hộ đăng ký thu gom thấp dưới 10%. Trong năm 2016, tổng lượng rác thải vận chuyển là 1.393 chuyến khoảng 16.360 m³ rác ép vận chuyển, xử lý tại bãi rác Long Mỹ tăng 13,16% so cùng kỳ.

+ Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện mô hình quản lý, thu gom rác thải sinh hoạt trong xây dựng nông thôn mới tại các xóm Ân Tân, Đông Phường, Đông A của xã Phước Thuận.

+ Hầu hết các xã, thị trấn đã bố trí các bể chứa (ống pi bê tông được chống thấm đáy) đặt dọc theo các tuyến mương thủy lợi, đường nội đồng để thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng; riêng 02 xã: Phước Lộc, Phước Sơn đã xây dựng địa điểm tập trung để rác thải bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật.

- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực – thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:

+ Hầu hết các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản, hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, hoặc hồ sơ tương đương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

+ Đã lập hồ sơ môi trường cho làng nghề bánh tráng Kim Tây ở xã Phước Hòa.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng hoặc

xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định; thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu trên.

+ Chất thải (phân, nước tiểu, nước thải) của các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm được thu gom xử lý bằng công trình biogas, một số hộ sử dụng hố ủ để xử lý phân hay đệm lót sinh học (chăn nuôi gia cầm).

+ Các làng nghề trên địa bàn, cơ sở sản xuất tại làng nghề tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

+ Đối với hoạt động của CCN Phước An: Đã có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường. BQL CCN dịch vụ huyện đã phối hợp với các cơ quan tổ chức nghiệm thu và đưa hệ thống xử lý nước thải của CCN vào hoạt động thử nghiệm.

- Bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

+ Công tác tuyên truyền về pháp luật bảo vệ môi trường chưa sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhất là các Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và các hộ dân về công tác thu gom các vỏ chai, lọ, bao bì, dụng cụ phẩm bảo vệ thực vật, thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt và hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Các địa phương chưa tập trung chỉ đạo xây dựng cảnh quan môi trường xanh-sạch- đẹp, an toàn.

+ Chưa chủ động phối hợp với các Hội, Đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho cộng đồng dân cư để nâng lên thành ý thức tự giác và hành động cụ thể.

+ Công tác thu gom rác thải còn nhiều hạn chế về nguồn lực nên mới dừng lại ở 02 thị trấn và các trục lộ chính của các xã; chưa mở rộng công tác thu gom đến các ngõ, hẻm khu dân cư; đến nay, còn 03 xã Phước Hiệp, Phước Thắng, Phước Thành chưa có đơn vị chức năng thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Tình trạng rác thải tồn đọng cục bộ tại các điểm công cộng, cống rãnh, kênh mương, chợ... vẫn còn tái diễn ở nhiều nơi gây ô nhiễm môi trường vẫn còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong nhân dân. Bên cạnh đó số lượng xe thu gom rác còn quá ít không đáp ứng được việc thu gom rác thải trên địa bàn huyện.

+ Các hộ dân chưa phân loại chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải khác như phế thải xây dựng, chất thải nguy hại... mà để lẫn lộn với nhau nên lượng rác thu gom rất lớn ảnh hưởng đến quá trình thu gom, sức khỏe công nhân và kinh phí xử lý.

+ Việc thu gom, xử lý rác thải bao bì, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng... chưa đảm bảo. Hầu hết, tại các xã, thị trấn các bể thu gom xây dựng chưa đúng kỹ thuật và chưa triển khai xây dựng địa điểm tập trung để chôn xử lý từ các bể chứa theo quy định.

c) *Đánh giá*

- Chưa đạt.

8.8. Tiêu chí 8 – An ninh, trật tự xã hội

a) Yêu cầu tiêu chí

Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

b) Kết quả thực hiện

- Đã ban hành các kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

- Lực lượng Công an, Quân đội, Dân quân tự vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự địa phương.

c) Đánh giá

- Đạt.

8.9. Tiêu chí 9 – Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a) Yêu cầu tiêu chí

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện

- UBND huyện Tuy Phước đã ban hành các Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo, thành lập Văn phòng Điều phối, ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

+ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND huyện Tuy Phước về việc kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 huyện Tuy Phước.

+ Quyết định số 5480/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Tuy Phước giai đoạn 2015 – 2020.

+ Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước giai đoạn 2016 - 2020.

c) Đánh giá

- Đạt.

* Đến nay huyện đạt 4/9 Tiêu chí gồm: Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 4 – Điện; Tiêu chí 8 – An ninh, trật tự xã hội; Tiêu chí 9 – Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới. Còn lại 05 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí 1 – Quy hoạch; Tiêu chí 2 –

Giao thông; Tiêu chí 5 – Y tế - Văn hóa – Giáo dục; Tiêu chí 6 – Sản xuất; Tiêu chí 7 – Môi trường.

9. Nguồn vốn thực hiện

Tổng nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới trong năm 2016 là **31.207 triệu đồng**, trong đó:

- Trung ương: 6.243 triệu đồng.
- Tỉnh: 11.821 triệu đồng.
- Huyện: 3.902 triệu đồng.
- Xã, huy động nhân dân, lồng ghép: 9.241 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 800 triệu đồng và 14.386 m² đất.

10. Đánh giá chung

10.1. Những mặt đạt được

- Dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hướng dẫn của các Sở, ban ngành của tỉnh. Chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện và sự quyết tâm của chính quyền địa phương ở xã Phước Sơn và Phước Lộc phấn đấu hoàn thành xã nông thôn mới trong năm 2016 theo kế hoạch đã đề ra.

- Được sự đồng lòng, hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân sẵn sàng hiến ruộng, đất, tiền của, ngày công để xây dựng nông thôn mới.

10.2. Những mặt tồn tại, hạn chế

- Một số tiêu chí về cơ sở hạ tầng đến nay vẫn chưa hoàn thành (nợ tiêu chí) như: Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa.

- Công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung trong Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm vẫn chưa được các địa phương quan tâm đúng mức, vẫn để xảy ra tình trạng ô nhiễm, người dân vứt rác bừa bãi... Bên cạnh đó xã Phước Sơn đã đạt chuẩn xã nông thôn mới trong năm 2016, nhưng sau khi rà soát lại theo bộ tiêu chí mới vẫn chưa đạt Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.

- Tình trạng nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới vẫn còn xảy ra ở nhiều xã (Phước An, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Quang, Phước Thuận và Phước Thắng).

- Một số cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới ở cấp xã chưa dành thời gian để nghiên cứu các tài liệu, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh. Việc báo cáo, thực hiện theo yêu cầu của cấp trên còn chậm trễ, thậm chí không thực hiện.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017

1. Những thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo trong lãnh đạo và giúp đỡ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành của Tỉnh.

- Nhận thức của Nhân dân về xây dựng nông thôn mới ngày được nâng cao sẵn sàng hiến đất đóng góp tiền, ngày công để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Đội ngũ lãnh đạo, cán bộ từ huyện đến xã đã tích cực trong việc triển khai xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

1.2. Khó khăn

- Trong năm 2016 trên địa bàn huyện đã trải qua 5 đợt lũ lụt lịch sử gây hư hỏng và phá vỡ kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa... Mặc dù có sự hỗ trợ kinh phí của cấp trên nhưng vẫn chưa thể khôi phục lại như ban đầu.

- Kinh phí hỗ trợ của cấp trên còn hạn hẹp, trong khi nhu cầu nguồn vốn để đầu tư quá lớn. Đến nay chưa có quyết định hỗ trợ kinh phí của tỉnh cho các địa phương để triển khai thực hiện năm 2017.

- Do đặc điểm là huyện thuần nông, cây lúa là cây chủ lực của huyện nên thu nhập của người dân còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo ở một số xã còn cao so với yêu cầu đạt chuẩn nông thôn mới.

- Cán bộ xây dựng nông thôn mới cấp xã còn kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác xây dựng nông thôn mới.

2. Đối với những xã đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới

- Tiếp tục rà soát, đánh giá lại kết quả 19 tiêu chí theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện đối với những tiêu chí chưa và duy trì nâng cao các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt.

3. Đối với 2 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2017

- Kế hoạch năm 2017 có 02 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới là: Xã Phước Hòa và Phước Hiệp.

- Qua rà soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí mới đến nay:

Xã Phước Hòa đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt (Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí 16 – Văn hóa và Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm).

Xã Phước Hiệp đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt (Tiêu chí 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 15 – Y tế và Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm).

- Xã Phước Hòa và Phước Hiệp đã xây dựng kế hoạch để đạt chuẩn các tiêu chí còn lại trong năm 2017, cụ thể:

(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Đối với các phòng ban chuyên môn theo dõi từng tiêu chí trên lĩnh vực ngành

Tham mưu UBND huyện có kế hoạch triển khai thực hiện các tiêu chí chưa đạt huyện nông thôn mới và phối hợp với các địa phương để hướng dẫn xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để đạt 19 tiêu chí trong xây dựng nông thôn

mới. Trước mắt tập trung cho 2 xã Phước Hiệp và Phước Hòa hoàn thành trong năm 2017. Cụ thể:

1.1. Phòng Kinh tế & Hạ tầng

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí số 1 về Quy hoạch và tiêu chí số 2 về giao thông của huyện nông thôn mới. Cụ thể:

+ Tham mưu cho UBND huyện việc chọn đơn vị tư vấn để lập quy hoạch xây dựng vùng huyện và lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Xây dựng kế hoạch để năm 2018 hoàn thiện 5,43km đường huyện còn lại đạt chuẩn cấp đường theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 1 - Quy hoạch, tiêu chí số 2 - Giao thông, tiêu chí số 4 - Điện, tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư. Cụ thể:

+ Hướng dẫn về trình tự thủ tục và các văn bản quy định có liên quan trong việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo tình hình thực tế tại địa phương.

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình bê tông xi măng nông thôn theo cơ chế đặc thù, nhằm giảm các chi phí không cần thiết.

+ Hướng dẫn xây dựng, bổ sung các hạng mục phụ trợ của chợ như: Nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, bảng tên chợ...

1.2. Phòng Giáo dục & Đào tạo

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Chỉ tiêu 5.3 trong tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục. Cụ thể:

+ Theo dõi việc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học để Trường THPT số 3 Tuy Phước đạt chuẩn quốc gia trong năm 2017 theo quy định. Kịp thời báo cáo UBND huyện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để UBND huyện chỉ đạo.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 5 - Trường học và tiêu chí số 14 - Giáo dục & Đào tạo. Cụ thể:

+ Rà soát lại hiện trạng cơ sở vật chất của các trường: Mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện, đặc biệt là 02 xã Phước Hòa và Phước Hiệp. Để có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, xây mới đạt chuẩn theo quy định.

1.3. Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 11 - Hộ nghèo và tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm. Cụ thể:

+ Hướng dẫn trong việc rà soát, đánh giá tiêu chí hộ nghèo và lao động có việc làm đặc biệt là 02 xã Phước Hòa và Phước Hiệp, để bổ sung hồ sơ thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017 trước ngày 20 tháng 10 hằng năm.

+ Tham mưu cho UBND huyện ban hành các giải pháp để giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn đa chiều và nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm.

1.4. Phòng Y tế

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Chỉ tiêu 5.1 trong tiêu chí số 5 – Y tế - Văn hóa – Giáo dục.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 15 - Y tế. Cụ thể:

+ Tham mưu UBND huyện và hướng dẫn các xã những giải pháp để vận động người dân tham gia Bảo hiểm y tế, vì hiện nay nhiều xã không đạt chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

1.5. Chi cục Thống kê

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 10 - Thu nhập. Cụ thể:

+ Hướng dẫn trong việc rà soát, đánh giá tiêu chí thu nhập đặc biệt là 02 xã Phước Hòa và Phước Hiệp, để bổ sung hồ sơ thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017 trước ngày 20 tháng 10 hàng năm.

1.6. Phòng Tài nguyên & Môi trường

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới Tiêu chí số 7 – Môi trường. Cụ thể:

+ Ban hành Đề án quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện và triển khai thực hiện theo quy định.

+ Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm. Cụ thể:

+ Phối hợp với Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh kiểm tra, hướng dẫn các xã thực hiện tiêu chí 17, đặc biệt là 02 xã Phước Hiệp và Phước Hòa.

+ Hướng dẫn các xã trong việc xử lý chất thải sinh hoạt hằng ngày, chất thải trong nông nghiệp...trước khi được các phương tiện thu gom đưa đến nơi xử lý. Nhằm giảm chi phí và ô nhiễm môi trường xung quanh. Bên cạnh đó hướng dẫn các xã trong việc quy hoạch nghĩa trang và mai táng phù hợp với quy định.

+ Hướng dẫn các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng, tạo cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn phấn đấu đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu, để các địa phương khác đến tham quan và học tập kinh nghiệm.

1.7. Phòng Nội vụ

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 18 - Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật. Cụ thể:

+ Hướng dẫn trong việc thực hiện, đánh giá chỉ tiêu “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” và chỉ tiêu đảm bảo bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

1.8. Ban Chỉ huy Quân sự huyện

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện chỉ tiêu 19.1 trong tiêu chí số 19 – Quốc phòng và An ninh. Cụ thể:

+ Hướng dẫn xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng theo quy định của Bộ Quốc phòng.

1.9. Công an huyện

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện chỉ tiêu 19.2 trong tiêu chí số 19 – Quốc phòng và An ninh. Cụ thể:

+ Hướng dẫn các xã xây dựng các giải pháp để tiếp tục duy trì về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội... đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Công an.

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Tiêu chí số 8 – An ninh, trật tự xã hội. Cụ thể:

+ Tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

+ Không để xảy ra các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác.

1.10. Phòng Văn hóa & Thông tin

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí số 8 – Thông tin và Truyền thông và tiêu chí số 16 - Văn hóa. Cụ thể:

+ Hướng dẫn các xã triển khai xây dựng các thiết chế văn hóa như: Nhà văn hóa và trung tâm thể thao xã, nhà văn hóa và khu thể thao thôn, khu vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Bên cạnh đó hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành theo quy định của tỉnh.

+ Trong trường hợp địa phương gặp khó khăn về nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm văn hóa – thể thao xã, nhà văn hóa – khu thể thao thôn, hướng dẫn các xã tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như Hội trường, nhà văn hóa hoặc các cơ sở hoạt động văn hóa – thể thao trên địa bàn do các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đã xây dựng từ trước và đồng ý cho sử dụng để tổ chức các hoạt động, văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Chỉ tiêu 5.2 trong tiêu chí số 5 – Y tế - Văn hóa – Giáo dục. Cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện trình UBND huyện phê duyệt để triển khai hoàn thiện các hạng mục cơ sở vật chất còn thiếu để Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tham mưu cho UBND huyện bàn hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích xã hội hóa và tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hoạt động văn hóa - thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện và được tính chung khi xem xét, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa.

- Chủ trì, phối hợp với Đài Truyền thanh huyện thu thập, lưu trữ dữ liệu hình ảnh, video về các hạng mục cơ sở hạ tầng nông thôn (Giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế xã, cảnh quan môi trường...) ở các địa phương trước và sau khi xây dựng nông thôn mới. Để phục vụ cho công tác sơ, tổng kết chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện giai đoạn 2016 – 2020.

1.11. Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện tiêu chí số 3 – Thủy lợi và tiêu chí số 13 – Tổ chức sản xuất. Cụ thể:

+ Hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá lại tiêu chí thủy lợi theo quy định. Tiếp tục theo dõi quá trình hoạt động, hướng dẫn các Hợp tác xã trên địa bàn huyện, đặc biệt các Hợp tác xã yếu, kém. Kịp thời tham mưu cho UBND huyện ban hành một số giải pháp để tháo dỡ khó khăn, thúc đẩy các Hợp tác xã phát triển. Định hướng cho các địa phương xây dựng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

- Tham mưu cho UBND huyện thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Tiêu chí số 3 – Thủy lợi; Tiêu chí số 6 – Sản xuất và tiêu chí số 9 – Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới. Cụ thể:

+ Tiếp tục tham mưu cho UBND huyện thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp góp phần tăng thu nhập của người dân và giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, giám sát, phối hợp với các phòng ban chuyên môn huyện, địa phương triển khai thực hiện chương trình và nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra trong năm 2017. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch. Tham mưu các văn bản, các giải pháp để thực hiện chương trình và báo cáo tiến độ cho UBND huyện về công tác xây dựng nông thôn mới.

- Tham mưu UBND huyện chỉ đạo các xã không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của người dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Hướng dẫn 02 xã Phước Hòa và Phước Hiệp hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ để công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017. Kịp thời báo cáo UBND huyện các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để UBND huyện chỉ đạo, xử lý.

1.12. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện tham mưu UBND huyện kiểm tra, thẩm định nguồn vốn để thực hiện các tiêu chí chưa đạt, nhằm mục đích không để xảy ra nợ đọng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Vì xã nào còn nợ đọng cơ bản thì xã đó chưa đủ điều kiện để đạt chuẩn xã nông thôn mới. Hướng dẫn xã các về thủ tục thanh quyết toán, giải ngân nguồn vốn kịp tiến độ theo quy định.

Bên cạnh đó, các phòng ban phụ trách tiêu chí của mình: Chủ trì, phối hợp với các phòng ban có liên quan để hướng dẫn các địa phương thực hiện. Báo cáo tiến độ, tham mưu, đề xuất các giải pháp để hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới cho UBND huyện (*thông qua Thường trực Ban chỉ đạo hoặc Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện*). Nếu 19 tiêu chí của xã và 9 tiêu chí của huyện không đạt theo kế hoạch đã đề ra thì phòng ban phụ trách tiêu chí đó sẽ chịu trách nhiệm trước UBND huyện.

2. Đối với UBND các xã xây dựng nông thôn mới

- Kiện toàn Ban quản lý cấp xã và bộ máy tham mưu, giúp việc thống nhất, đồng bộ để hoạt động hiệu quả. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, ban ngành ở xã để tổ chức thực hiện và đề cao tinh thần trách nhiệm làm việc.

- Đối với các xã đã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Vì theo quy định sau 5 năm, tính từ năm đạt chuẩn xã nông thôn mới sẽ tiến hành rà soát, đánh giá để công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chủ động phối hợp với các phòng ban chuyên môn của huyện trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đặc biệt đối với 02 xã Phước Hòa, Phước Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017 khẩn trương triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các tiêu chí chưa đạt (như giao thông, cơ sở vật chất văn hóa...) để kịp tiến độ trong năm 2017, không để xảy ra tình trạng nợ tiêu chí như các năm vừa qua.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị Trung ương, Tỉnh ủy, Ban chỉ đạo, UBND tỉnh, các Sở ngành tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc bố trí nguồn vốn đầu tư cho huyện Tuy Phước, để đến năm 2020 huyện Tuy Phước đạt chuẩn huyện nông thôn mới và 11/11 xã đều đạt chuẩn xã nông thôn mới.

- Chưa có Thông tư, hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, tỉnh để thực hiện Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- UBND tỉnh chưa ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh nên địa phương không có cơ sở để rà soát, triển khai thực hiện.

- Nhu cầu nguồn vốn của địa phương lớn, trong khi nguồn hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh còn hạn chế. Mặt khác theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020. Thì để đạt chuẩn xã nông thôn mới phải đáp ứng 3 điều

kiện: 1 – Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới và được UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện; 2 – Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định; 3 – Không có nợ đọng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới. Do đó, để không có nợ đọng phải có nguồn để thực hiện, nên rất khó khăn cho địa phương.

- Trung ương, tỉnh chưa ban hành hướng dẫn về cơ chế hỗ trợ nguồn vốn để thực hiện 9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Đề nghị UBND tỉnh tăng nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập của người dân, góp phần nâng cao thu nhập người nông dân, ổn định đời sống sản xuất và giảm tỷ lệ hộ nghèo ở địa phương.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Tuy Phước về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 và kế hoạch triển khai thực hiện trong năm 2017./.

Nơi nhận:

- BCD XD NTM tỉnh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, ban liên quan;
- UBND 11 xã xây dựng NTM;
- VPĐP XD NTM huyện;
- CVP, CVVP (K₂);
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Kỳ Quang

Phụ lục 1:

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày / /2017 của UBND huyện Tuy Phước)

ĐVT: triệu đồng

Đơn vị thực hiện/danh mục	Tên công trình (mô hình)	Địa điểm thực hiện (thôn, làng)	Quy mô (khối lượng)	Số lượng đối tượng tham gia	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Loại hỗ trợ	Hình thức hỗ trợ	Định mức hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư	Vốn của Chương trình	Vốn của huyện	Vốn của xã	Nguồn khác
HUYỆN TUY PHƯỚC														
Xã Phước Sơn														
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để xây lắp công trình khí sinh học	Trên địa bàn xã Phước Sơn	Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	Gồm 73 hộ có nhu cầu xây lắp mới công trình khí sinh học.	Hỗ trợ công trình khí sinh học: bắt đầu tháng 1/9/2016 đến hết tháng 30/9/2017.	Đề án PTSX xã Phước Sơn đã được huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 3585/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.	Hỗ trợ chi phí xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	73	73			
Xã Phước Lộc														
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản	Trên địa bàn xã Phước Lộc	Hỗ trợ bằng lãi suất vốn vay cho các hộ chăn nuôi tại thời điểm lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, trong thời gian 24 tháng với lãi suất 1%/tháng. Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống.	Gồm 16 hộ nông dân trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn phát triển đàn bò hoặc nuôi mới bò thịt, ưu tiên các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn.	Hỗ trợ lãi suất chăn nuôi bò thịt: bắt đầu tháng 8/2016 đến hết tháng 8/2018.	Đề án PTSX xã Phước Lộc đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 3373/QĐ-UBND ngày 25/8/2016.	Hỗ trợ lãi suất vốn vay	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản	Hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống.	73	73			
Xã Phước Hưng														
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản và xây lắp công trình khí sinh học	Trên địa bàn xã Phước Hưng	Hỗ trợ bằng lãi suất vốn vay cho các hộ chăn nuôi tại thời điểm lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân xã Phước Hưng, trong thời gian 24 tháng với lãi suất 1%/tháng. Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	Gồm 17 hộ nông dân trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn phát triển đàn bò hoặc nuôi mới bò sinh sản, ưu tiên các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn. Và 40 hộ có nhu cầu xây lắp mới công trình khí sinh học.	Hỗ trợ lãi suất chăn nuôi bò thịt: bắt đầu tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2018. Đối với hỗ trợ công trình khí sinh học: bắt đầu từ ngày 01/6/2016 đến ngày 30/12/2016.	Đề án PTSX xã Phước Hưng đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 2205/QĐ-UBND ngày 07/6/2016.	Hỗ trợ lãi suất vốn vay và chi phí xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản và xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	121,6	120		1,6	

Xã Phước Hòa													
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò thịt	Trên địa bàn xã Phước Hòa	Hỗ trợ bằng lãi suất vốn vay cho các hộ chăn nuôi tại thời điểm lãi suất của Ngân hàng NN & PTNT huyện Tuy Phước trong thời gian 12 tháng với lãi suất 7%/năm. Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống.	Gồm 53 hộ nông dân trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn phát triển đàn bò hoặc nuôi mới bò thịt, ưu tiên các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn	Bắt đầu tháng 9/2016 đến hết tháng 9/2017.	Đề án PTSX xã Phước Nghĩa đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 3587/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.	Hỗ trợ lãi suất vốn vay	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để chăn nuôi bò thịt	Hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống.	74,2	73		1,2
Xã Phước Hiệp													
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản.	Trên địa bàn xã Phước Hiệp	Hỗ trợ bằng lãi suất vốn vay cho các hộ chăn nuôi tại thời điểm lãi suất của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện trong thời gian 24 tháng với lãi suất 7%/năm. Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống.	Gồm 20 hộ dân có nhu cầu xây mới công trình khí sinh học	Bắt đầu tháng 8/2016 đến hết tháng 8/2018.	Đề án PTSX xã Phước Hiệp đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 3374/QĐ-UBND ngày 25/8/2016.	Hỗ trợ lãi suất vốn vay	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để chăn nuôi bò sinh sản	Hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống.	56	56		
Xã Phước Quang													
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển chăn nuôi bò sinh sản và xây lắp công trình khí sinh học	Trên địa bàn xã Phước Quang	Hỗ trợ bằng lãi suất vốn vay cho các hộ chăn nuôi tại thời điểm lãi suất của Ngân hàng NN & PTNT huyện Tuy Phước, trong thời gian 24 tháng với lãi suất 1%/tháng. Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	Gồm 14 hộ nông dân trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn phát triển đàn bò hoặc nuôi mới bò sinh sản, ưu tiên các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn. Và 6 hộ có nhu cầu xây lắp mới công trình khí sinh học.	Hỗ trợ lãi suất chăn nuôi bò thịt: bắt đầu tháng 8/2016 đến hết tháng 8/2018. Đối với hỗ trợ công trình khí sinh học: bắt đầu từ ngày 8/2016 đến ngày 6/2017.	Đề án PTSX xã Phước Quang đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 3372/QĐ-UBND ngày 25/8/2016.	Hỗ trợ lãi suất vốn vay và chi phí xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ lãi suất để phát triển chăn nuôi bò sinh sản và xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ lãi suất tối đa là 20.000.000 đồng/con giống. Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	73,2	73		0,2
Xã Phước Thắng													
Hỗ trợ phát triển sản xuất	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để xây lắp công trình khí sinh học	Trên địa bàn xã Phước Thắng	Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	Gồm 56 hộ có nhu cầu xây lắp mới công trình khí sinh học.	Hỗ trợ công trình khí sinh học: bắt đầu tháng 1/4/2016 đến hết tháng 30/4/2017.	Đề án PTSX xã Phước Thắng đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại QĐ số 3586/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.	Hỗ trợ chi phí xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ xây lắp công trình khí sinh học	Hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 công trình khí sinh học, cho hộ xây lắp công trình.	56	56		

Phụ lục 2:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ 19 TIÊU CHÍ NTM

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày / /2017 của UBND huyện Tuy Phước)

T	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu của tỉnh	Kết Quả Thực Hiện											
				Xã Phước An	Xã Phước Thành	Xã Phước Hưng	Xã Phước Nghĩa	Xã Phước Sơn	Xã Phước Lộc	Xã Phước Hiệp	Xã Phước Hòa	Xã Phước Thuận	Xã Phước Quang	Xã Phước Thắng	
	Tổng cộng				18/19 TC	18/19 TC	18/19 TC	18/19TC	17/19TC	18/19 TC	14/19 TC	14/19 TC	13/19TC	13/19TC	7/19 TC
	Quy hoạch và thực hiện QH	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	17,8/17,8km	5,8/5,8km	6,6/6,6km	7,42/7,42km	27,5km/27,5km,	6,7km/6,7km,	10,1/10,1km	14,3/14,3km	10,2/10,2km	8/8km	16,247/16,247km	
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	70%	18,8/18,8 km	18,8/18,8 km	5,8/5,8km	24/24,8km Đạt 96,77%	25,35/25,35km	6,64/6,64km	<u>13,1/23,5km</u> <u>Đạt 55,97%</u>	9,6/9,6km	8,5/9,13km Đạt 93,09%	14,79/14,79km	12,826/13,126km Đạt 97,7%	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (70% cứng hóa)	18,7/18,7 km	18,7/18,7 km	38,86/46,53km Đạt 83,5%	40/40km	29,65/29,65km	35,6/35,6km	17,65/22,046km Đạt 80%	6,54/9,07km Đạt 72,1%	26/58,5km Đạt 44,4%	24,48/24,48km	15,413/16,013km Đạt 96,3%	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (70% cứng hóa)	8,3/10,5 km Đạt 79,04%	8,3/10,5 km Đạt 79,04%	10,53/12,2km Đạt 86,31%	4,61/5km Đạt 92,2%	6,74/6,74km	11,1/12,65km Đạt 85,71%	<u>0/2,7km</u> <u>Đạt 0%</u>	6,3/6,3km	<u>0/16,18km</u> <u>Đạt 0%</u>	<u>0/6,57km</u> <u>Đạt 0%</u>	<u>2,08/4,26km</u> <u>Đạt 48,8%</u>	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>65%</u> <u>Chưa đạt</u>	Đạt	Đạt	<u>63%</u> <u>Chưa đạt</u>	<u>30%</u> <u>Chưa đạt</u>	
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	Đạt	Đạt	

TT	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu của tỉnh	Kết Quả Thực Hiện											
				Xã Phước An	Xã Phước Thành	Xã Phước Hưng	Xã Phước Nghĩa	Xã Phước Sơn	Xã Phước Lộc	Xã Phước Hiệp	Xã Phước Hòa	Xã Phước Thuận	Xã Phước Quang	Xã Phước Thắng	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	98%	0%	100%	100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80%	5/5 Đạt 100%	4/4 Đạt 100%	4/4 Đạt 100%	2/2 Đạt 100%	5/6 Đạt 83%	3/3 Đạt 100%	4/5 Đạt 80%	<u>3/6 Đạt 50%</u>	4/4 Đạt 100%	<u>2/4 Đạt 50%</u>	<u>3/4 Đạt 75%</u>	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	10/10 thôn Đạt 100%	4/4 thôn Đạt 100%	7/7 thôn Đạt 100%	3/3 thôn Đạt 100%	10/10 thôn Đạt 100%	11/11 thôn Đạt 100%	<u>7/8 thôn Đạt 87,5%</u>	<u>0/10 Chưa đạt</u>	<u>4/8 Đạt 50%</u>	<u>5/11 Đạt 45%</u>	<u>6/9 Đạt 66%</u>	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chợ hư hỏng nặng Chưa đạt</u>	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	80%	85%	95%	100%	100%	90%	98,1%	100%	80%	85%	90%	85%	

T	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu của tỉnh	Kết Quả Thực Hiện										
				Xã Phước An	Xã Phước Thành	Xã Phước Hưng	Xã Phước Nghĩa	Xã Phước Sơn	Xã Phước Lộc	Xã Phước Hiệp	Xã Phước Hòa	Xã Phước Thuận	Xã Phước Quang	Xã Phước Thắng
0	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2016 (triệu đồng/người))	27	34,6 triệu Đợt	36,3 triệu Đợt	29 triệu Đợt	33 triệu Đợt	27,4 triệu Đợt	35,1 triệu Đợt	27,6 triệu Đợt	32 triệu Đợt	<u>24 triệu Chưa đạt</u>	42 triệu Đợt	<u>24,5 triệu Chưa đạt</u>
1	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤5%	4,84%	4,79%	4,75%	3,36%	4,70%	4,91%	4,58%	<u>5,98%</u>	<u>5,57%</u>	3,89%	10,45%
2	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	>90%	95%	99,1%	98,7%	90,2%	98,85%	97,3%	94%	98,7%	95%	96%	92%
3	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥85%	95,0%	95,0%	99,5%	93,5%	98,7%	85%	87,10%	90%	95,5%	99%	87%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	60%	45%	43,83%	60%	40%	51,03%	42%	42%	60%	45%	45%
5	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	85%	<u>73%</u>	<u>75%</u>	<u>82%</u>	<u>75%</u>	<u>71,5%</u>	<u>70,20%</u>	86%	87%	<u>78,4%</u>	<u>71,6%</u>
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤24,2 %	11,1%	11,89%	11,7%	11,45%	11,72%	24%	11,95%	11,6%	12,7%	10,5%	24,05%
6	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	8/10 Đạt 80%	4/4 Đạt 100%	7/7 Đạt 100%	3/3 Đạt 100%	10/10 Đạt 100%	10/11 Đạt 90,9%	6/8 Đạt 75%	<u>6/10 Đạt 60%</u>	8/8 Đạt 100%	8/11 Đạt 72%	<u>5/9 Đạt 55,5%</u>

TT	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu của tỉnh	Kết Quả Thực Hiện											
				Xã Phước An	Xã Phước Thành	Xã Phước Hưng	Xã Phước Nghĩa	Xã Phước Sơn	Xã Phước Lộc	Xã Phước Hiệp	Xã Phước Hòa	Xã Phước Thuận	Xã Phước Quang	Xã Phước Thắng	
7	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥60% nước)	99%	99%	100%	100%	100%	95%	100%	100%	100%	96%	99%	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	<u>70%</u>	<u>70%</u>	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	Đạt	<u>Chưa đạt</u>
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>	<u>Chưa đạt</u>
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	91,93%	85%	95%	89%	96,47%	94,6%	88,7%	90%	90%	90%	94%	85,85%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥75%	81%	85%	85%	85%	85%	95%	80%	85%	80%	85%	85%	50%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
8	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>	
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	<u>Chưa đạt</u>
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	0%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

T	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu của tỉnh	Kết Quả Thực Hiện										
				Xã Phước An	Xã Phước Thành	Xã Phước Hưng	Xã Phước Nghĩa	Xã Phước Sơn	Xã Phước Lộc	Xã Phước Hiệp	Xã Phước Hòa	Xã Phước Thuận	Xã Phước Quang	Xã Phước Thắng
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Ghi chú: Những chỉ tiêu in đậm, nghiêng, có gạch dưới là những chỉ tiêu chưa đạt. Ví dụ: 75%

Phu lục 3:

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐỐI VỚI CÁC XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2017 của UBND huyện Tuy Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Khối lượng thực hiện	Tổng vốn	Trong đó				Ghi chú
					TW+tỉnh +huyện+ xã (30%)	Vốn tín dụng (45%)	Vốn từ các doanh nghiệp, HTX (15%)	Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư (10%)	
I	Xã Phước Hiệp			10.075	3.023	4.534	1.511	1.008	
1	Tiêu chí 2 - Giao thông		3,1	1.955,0	586,5	879,8	293,3	195,5	
-	Đường thôn, xóm		2,5	1.355	406,5	609,75	203,25	135,5	
1.1	BTXM tuyến từ Sân kho 13 đến nhà thờ (Xóm 15, Xuân Mỹ)	Km	0,5	280	84	126	42	28	
1.2	BTXM tuyến từ giáp đường BTXM đến nhà Hộ (Xóm 9, thôn Luật Chánh)	Km	0,2	110	33	49,5	16,5	11	
1.3	BTXM tuyến từ giáp đường BTXM đến nhà Hoàng (Xóm 3, thôn Tú Thủy)	Km	0,5	280	84	126	42	28	
1.4	BTXM tuyến từ giáp Giáp BTXM đến cụm trường Tuân Lễ	Km	0,15	105	31,5	47,25	15,75	10,5	
1.5	BTXM tuyến từ giáp Giáp BTXM đến nhà Bích (Tuân Lễ)	Km	0,3	150	45	67,5	22,5	15	
1.6	BTXM tuyến từ từ nhà ông Thái - Nhà Bảo xóm 9, Đại Lễ	Km	0,5	280	84	126	42	28	
1.7	BTXM tuyến từ Ngã ba nhà thờ đến Gò Mả Thánh (Xóm 11, thôn Lục Lễ)	Km	0,3	150	45	67,5	22,5	15	
-	Đường giao thông nội đồng		0,6	600	180	270	90	60	
1.8	Cứng hóa GTND tuyến từ bầu ông Cự đến lăng mộ Lê Công Miễn (Luật Chánh)	Km	0,6	600	180	270	90	60	
2	Tiêu chí 3 - Thủy lợi		5,92	4.670	1.401	2.102	700,5	467	
2.1	KCHKM tuyến mương Đạt: từ kênh N14 đến nhà Hạnh (Lục Lễ)	Km	0,63	410	123	184,5	61,5	41	
2.2	KCHKM tuyến mương chùa: từ trước chùa đến cống tiêu (Giang Bắc)	Km	0,47	370	111	166,5	55,5	37	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Khối lượng thực hiện	Tổng vốn	Trong đó				Ghi chú
					TW+tỉnh +huyện+ xã (30%)	Vốn tín dụng (45%)	Vốn từ các doanh nghiệp, HTX (15%)	Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư (10%)	
2.3	đường BTXM (Xuân Mỹ)	Km	1	750	225	337,5	112,5	75	
2.4	KCHKM tuyến mương Sầm: từ đội 4 đến đội 5 (Luật Chánh)	Km	0,65	410	123	184,5	61,5	41	
2.5	KCHKM tuyến mương Võ Sự: từ kênh N14 đến cầu Kỳ (Tú Thủy)	Km	1	700	210	315	105	70	
2.6	KCHKM tuyến mương cấp 3 trên: Từ kênh N6 - mương Đá (Giang Nam)	Km	0,57	600	180	270	90	60	
2.7	KCHKM tuyến mương cây Cam: đồng cạnh buồm, Luật Chánh	Km	0,68	410	123	184,5	61,5	41	
2.8	KCHKM tuyến mương nọc Rom, Đại Lễ	Km	0,62	630	189	283,5	94,5	63	
2.9	KCHKM tuyến mương mương bờ bạn Lão Lược - gò Quán, Tuấn Lễ	Km	0,5	390	117	175,5	58,5	39	
3	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa			4.050	1.215	1.823	608	405	
3.1	Xây dựng nhà văn hóa xã		1	4.050	1.215	1.823	608	405	
II	Xã Phước Hòa			10.300	3.090	4.635	1.545	1.030	
2	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa			9.500	2.850	4.275	1.425	950	
2.1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Tân Mỹ			500	150	225	75	50	
2.2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Kim Xuyên			500	150	225	75	50	
2.3	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Kim Tây			1.000	300	450	150	100	
2.4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Tùng Giản			500	150	225	75	50	
2.5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Tân Giản			500	150	225	75	50	
2.6	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Kim Đông			500	150	225	75	50	
2.7	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Huỳnh Giản Bắc			1.000	300	450	150	100	
2.8	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Bình Lâm			500	150	225	75	50	
2.9	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Huỳnh Giản nam			500	150	225	75	50	
2.10	Xây dựng nhà văn hóa xã			4.000	1.200	1.800	600	400	
3	Tiêu chí 17 - Môi trường			800	240	360	120	80	
3.1	Cải tạo nghĩa trang thôn Tân Giản			400	120	180	60	40	
3.2	Cải tạo nghĩa trang thôn Hữu Thành			400	120	180	60	40	
	Tổng cộng			20.375	6.113	9.169	3.056	2.038	